TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2018/DS-ST
Ngày: 27-11-2018
"V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và Tranh chấp hợp đồng bảo lãnh"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sở thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Tuất

Ông Nguyễn Huy Giáp;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Phát- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2018 và ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2018/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng bảo lãnh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST- DS ngày 16 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 239/2018/QĐST- DS ngày 05 tháng 11 năm 2018 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 260/2018/QĐST- DS ngày 22/11/2018 giữa các đương sự:

- ***NgU đơn***: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1973. Trú tại: Ấp 2, xã ST, huyện TB, tỉnh ĐN.

- ***Bị đơn***: Bà Đỗ Thị Lâm U, sinh năm: 1973. Hộ khẩu thường trú tại: Tổ 1, ấp 5, xã ST, huyện TB, tỉnh ĐN.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***: Bà Trần Thuận T, sinh năm: 1976. Trú tại: Tổ 1, ấp 3, xã ST, huyện TB, tỉnh ĐN.

(Bà H, bà T có mặt; Bà U vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/8/2018

bản tự khai và tại phiên tòa ngU đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và bà Đỗ Thị Lâm U là chỗ quen biết thân thiết từ lâu, vì cùng nhau đi chùa làm từ thiện với nhau. Từ ngày 01/3/2014 đến ngày 13/6/2014 bà có cho bà U vay nhiều lần tiền với tổng số tiền 960.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 01/3/2014 vay số tiền 150.000.000 đồng, 06/3/2014 vay số tiền 240.000.000 đồng, 19/3/2014 vay số tiền 120.000.000 đồng, 23/3/2014 vay số tiền 30.000.000 đồng, 27/3/2014 vay số tiền 150.000.000 đồng, 29/3/2014 vay số tiền 20.000.000 đồng, 13/6/2014 vay số tiền 250.000.000 đồng, khi vay thỏa thuận lãi suất 1%/ tháng, khi nào cần thì báo trước cho bà U 1 tháng, mỗi lần vay bà U có viết giấy mượn tiền, không cầm cố thế chấp tài sản gì. Đồng thời ngày 28/6/2014 bà có đứng ra bảo lãnh cho bà U vay của bà Trần Thuận T số tiền 200.000.000 đồng, số tiền này bà U chưa trả cho bà T nên bà đã phải trả tiền cho bà T. Thực tế bà mới nhận được từ bà U khoảng 10.000.000 đồng tiền lãi từ số tiền vay, còn tiền gốc và tiền trả cho bà T bà U chưa trả cho bà. Bà nhiều lần yêu cầu bà U trả tiền, nhưng bà U cứ hẹn lần này đến lần khác, đến tháng 8/2014 bà được biết bà U đã bỏ nhà đi đâu không biết và không liên lạc được. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà U phải trả cho bà tổng số tiền gốc là 1.160.000.000 đồng, trong đó số tiền vay là 960.000.000 đồng và tiền bà đứng ra bảo lãnh trả cho bà T là 200.000.000 đồng. Ngoài ra bà không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Đỗ Thị Lâm U: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các chứng cứ do ngU đơn cung cấp, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết, đồng thời yêu cầu bà Đỗ Thị Lâm U có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà H. Ngày 16/7/2018 Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom nhận được đơn trình bày ý kiến đề tên bà Đỗ Thị Lâm U gửi qua đường bưu điện. Ngoài ra bà U không đến tòa án làm việc cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thuận T trình bày: Vào ngày 28/6/2014 bà H có đứng ra bảo lãnh cho bà U vay của bà số tiền 200.000.000 đồng, hẹn đến thứ 3 ngày 01/7/2014 thì trả. Vì quen bà H và bà H đứng ra bảo lãnh nên bà đồng ý cho bà U vay số tiền đó, tuy nhiên đến hẹn bà U không có trả tiền cho bà. Vì vậy, bà yêu cầu bà H và bà H đã trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng. Còn việc vay mượn tiền giữa bà H và bà U bà có nghe hai người nói với nhau, nhưng cụ thể như thế nào thì bà không rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bảo đảm quyền và nghĩa vụ cho các đương sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, kết luận giám định đã có đủ căn cứ chứng minh về việc bà U có vay của bà H tổng số tiền 960.000.000 đồng và đứng ra bảo lãnh cho bà U vay của bà T số tiền 200.000.000 đồng. Không có chứng cứ chứng minh bà U đã trả cho bà H, bà T số tiền vay, trong khi bà T thừa nhận bà H đã trả tiền cho bà. Do đó, bà H yêu cầu bà U phải trả số tiền vay 960.000.000 đồng và số tiền 200.000.000 đồng bà đứng ra bảo lãnh trả cho bà T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Lâm U, sinh năm: 1973, hộ khẩu thường trú tại: Tổ 1, Ấp 5, xã ST, huyện TB, tỉnh ĐN trả số tiền nợ gốc là 960.000.000 đồng và số tiền 200.000.000 đồng bà H đứng ra bảo lãnh cho bà U vay của bà T, nên đây là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" và "Tranh chấp về hợp đồng bảo lãnh" quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 22/5/2015, TAND huyện Trảng Bom đã ban hành Quyết định thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú số 07/2015/QĐDS-ST đối với bà Đỗ Thị Lâm U, sinh năm: 1973; nơi cư trú cuối cùng tại: Tổ 1, ấp 5, xã ST, huyện TB, tỉnh ĐN. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã Sông Trầu và Ban ấp 5, xã Sông Trầu kết quả: Bà Đỗ Thị Lâm U, sinh năm: 1973 có đăng ký thường trú tại Tổ 1, Ấp 5, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Từ tháng 8/2014 bà U bỏ đi biệt tích khỏi địa phương không trình báo với cơ quan quản lý nhân khẩu, từ đó cũng không có trở về nơi cư trú nên chính quyền địa phương không biết được hiện nay họ cư trú ở đâu. Tuy nhiên, trong đơn khởi kiện nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo kết quả xác minh của Tòa án, đồng thời trình bày bà U không thông báo địa chỉ mới; Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 6, Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bà U tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 12/10/2018, nhưng bà U vắng mặt không có lý do. Bà H có đơn từ chối hòa giải nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bà U tham gia phiên tòa vào ngày 05/11/2018 và ngày 22/11/2018 nhưng cả hai lần bà U đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Ngày 16/7/2018 Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom nhận được đơn đề tên bà Đỗ Thị Lâm U gửi qua đường bưu điện trình bày hiện đang sinh sống tại ấp Suối Mây, xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, qua biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc thì bà Đỗ Thị Lâm U không có đăng ký thường trú, tạm trú tại ấp Suối Mây, xã Dương Tơ, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang, nên không có căn cứ xác nhận là của bà U. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để đảm bảo quyền lợi cho bà U, nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án bà U không có mặt và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc trả nợ gốc cho bà H. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà U trả số tiền nợ gốc 920.000.000 đồng thì thấy: Theo trình bày của bà Nguyễn Thị H thì từ ngày 01/3/2014 đến ngày 13/6/2014 bà cho bà Đỗ Thị Lâm U vay nhiều lần tiền với tổng số tiền 960.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 1%/ tháng, khi nào cần thì báo trước cho bà U 1 tháng, mỗi lần vay bà U có viết giấy mượn tiền, không cầm cố thế chấp tài sản gì. Như vậy, xác định đây là hợp đồng vay tiền không có thời hạn và có tính lãi, nội dung hợp đồng không thể hiện có việc thế chấp tài sản khi vay. Bà U bỏ đi khỏi nơi cư trú mà không thông báo cho bà H là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi và tiền gốc. Căn cứ các Điều 471, 474, 477 của Bộ luật dân sự năm 2005, bà H có quyền khởi kiện yêu cầu bà U trả tiền theo các giấy vay tiền.

Xét các tài liệu giấy mượn tiền có chữ ký, chữ viết đề tên Đỗ Thị Lâm U mà nguyên đơn cung cấp thì thấy: Ngày 20/8/2018 Tòa án đã yêu cầu Ngân hàng TMCP Á Châu- Phòng giao dịch Trảng Bom cung cấp cho Tòa án tài liệu gốc 05 hợp đồng thế chấp QSD đất giữa bà Đỗ Thị Lâm U, ông Nguyễn Sơn Lâm với Ngân hàng TMCP Á Châu- PGD Trảng Bom, được chứng thực tại Văn phòng công chứng Bình An và hợp đồng tín dụng giữa bà Đỗ Thị Lâm U, ông Nguyễn Sơn Lâm với Ngân hàng TMCP Á Châu- PGD Trảng Bom để trưng cầu Phân viên KHHS tại Tp. Hồ Chí Minh- Tổng Cục Cảnh sát giám định về chữ ký, chữ viết của bà Đỗ Thị Lâm U trong các tài liệu giấy vay tiền có chữ ký, chữ viết đề tên Đỗ Thị Lâm U mà nguyên đơn cung cấp.

Tại Kết luận giám định số 3765/C09B ngày 12/9/2018 của Phân viên KHHS tại Tp. Hồ Chí Minh- Tổng Cục Cảnh sát kết luận:

+ Chữ ký mang tên Đỗ Thị Lâm U, chữ viết họ tên Đỗ Thị Lâm U dưới chữ ký trên: Tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ "1/3/2014 U mượn H 30.000 000đ…Đỗ Thị Lâm U" (ký hiệu A1); Tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ "1/3/2014 U mượn 120.000 000đ…Đỗ Thị Lâm U" (ký hiệu A2); Tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ "6/3/2014 U mượn H 240.000 000đ…Đỗ Thị Lâm U" (ký hiệu A3); Tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ "19/3/2014 U mượn 120.000 000…Đỗ Thị Lâm U" (ký hiệu A4); Tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ "23/3/2014 U mượn 30.000 000…Đỗ Thị Lâm U" (ký hiệu A5); Tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ "27/3/2014 chị U 150.000 000 đ…Đỗ Thị Lâm U" (ký hiệu A6); Tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ "29/3/2014 chị U mượn 20.000 000…Đỗ Thị Lâm U" (ký hiệu A7); Tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ "13/6/2014 U mượn 200.000 000 đ…Đỗ Thị Lâm U" (ký hiệu A8); Tài liệu có nội dung bắt đầu và kết thúc bằng những từ "13/6/2014 U mượn 50.000 00…Đỗ Thị Lâm U" (ký hiệu A9); "Giấy mượn tiền" đề ngày 28/6/2014 (ký hiệu A10) so với chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Thị Lâm U trên 05 tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Như vậy, chứng tỏ việc bà Đỗ Thị Lâm U có vay nhiều lần với tổng số tiền 960.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H là có thật. Do không có chứng cứ chứng minh việc bà U trả khoản tiền đã vay cho bà H, nên bà Nguyễn Thị H khởi kiện

yêu cầu bà Đỗ Thị Lâm U có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 960.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà U trả số tiền 200.000.000 đồng bà đứng ra bảo lãnh vay của bà Trần Thuận T thì thấy: Qua xem xét giấy mượn tiền đề ngày 28/6/2014 có đề người bảo lãnh Nguyễn Thị H, quá trình làm việc bà H và bà T đều thừa nhận lúc bà T cho bà U vay tiền thì bà H đứng ra bảo lãnh khoản vay cho bà U. Hiện nay bà H đã trả thay bà U cho bà T số tiền vay 200.000.000 đồng. Căn cứ Điều 361, 367 Bộ luật dân sự 2005, bà H có quyền khởi kiện yêu cầu bà U trả lại số tiền 200.000.000 mà bà đã bảo lãnh trả cho bà T.

Tại Kết luận giám định số 3765/C09B ngày 12/9/2018 của Phân viên KHHS tại Tp. Hồ Chí Minh- Tổng Cục Cảnh sát kết luận: Chữ ký mang tên Đỗ Thị Lâm U, chữ viết họ tên Đỗ Thị Lâm U dưới chữ ký trên: …..“Giấy mượn tiền” đề ngày 28/6/2014 (ký hiệu A10) so với chữ ký, chữ viết mang tên Đỗ Thị Lâm U trên 05 tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

Chứng tỏ, việc bà U có vay của bà T số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 28/6/2014 là có thật. Quá trình làm việc bà U không có mặt, không có ý kiến trình bày cũng như cung cấp các tài liệu về khoản vay này. Nay bà H đã trả thay bà U cho bà T số tiền 200.000.000 đồng. Do vậy, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Lâm U có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: Bà H trình bày đã nhận được từ bà U khoảng 10.000.000 đồng tiền lãi và không có yêu cầu bà U phải trả số tiền lãi, nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu các chi phí tố tụng đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Do yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H được chấp nhận toàn bộ nên bà Đỗ Thị Lâm U phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 36.000.000 đồng+(3%x360.000.000 đồng)=46.800.000 đồng. Bà H không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp.

[4] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tại phiên Tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 361, 367, 471, 474, 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

TU xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

Buộc bà Đỗ Thị Lâm U phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền nợ gốc là 1.160.000.000 đồng (Một tỷ một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Lâm U phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 46.800.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 9.825.000 đồng đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 000643 ngày 21/6/2018 và 3.125.000 đồng đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 000902 ngày 31/8/2018.

Báo cho bà H, bà T biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà U có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Chi cục THADS huyện TB;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN– CHỦ TỌA

Lê Hữu Phúc